

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành dự án: Khai thác quỹ đất phát triển hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y (giai đoạn I)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước của tỉnh Kon Tum;

Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Khai thác quỹ đất phát triển hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y (giai đoạn I);

Căn cứ các Quyết định: số 124/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2018 và số 986/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Khai thác quỹ đất phát triển hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y (giai đoạn I);

Căn cứ Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư xây dựng dự án: Khai thác quỹ đất phát triển hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y (giai đoạn I);

Theo đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum tại Tờ trình số 11/TTr-BQLKKT ngày 15 tháng 3 năm 2022 về việc đề nghị thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án Khai thác quỹ đất phát triển hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y (giai đoạn I) và đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1781/TTr-STC ngày 16 tháng 5 năm 2022 (kèm theo Báo cáo kết quả thẩm tra số 1761/BC-STC ngày 13 tháng 5 năm 2022).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành dự án: Khai thác quỹ đất phát triển hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y (giai đoạn I) với các nội dung như sau:

1. Tên Dự án: Khai thác quỹ đất phát triển hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y (giai đoạn I) (MSDA: 7681915).
2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.
3. Địa điểm thực hiện dự án: Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.
4. Thời gian khởi công, hoàn thành:
 - Theo quyết định đầu tư: Từ năm 2018.
 - Thực hiện: Từ ngày 31 tháng 01 năm 2018 đến ngày 11 tháng 6 năm 2021 (dự án dừng thực hiện).

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Nguồn vốn đầu tư của dự án:

Đơn vị tính: đồng

| Nguồn vốn | Tổng mức đầu tư của dự án được điều chỉnh | Thực hiện | | | |
|--|---|------------------------------|----------------------|--|--|
| | | Giá trị phê duyệt quyết toán | Số vốn đã giải ngân | Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được duyệt | Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được duyệt |
| Tổng cộng | 36.181.999.000 | 9.955.801.602 | 9.940.205.602 | 15.596.000 | |
| I. Giá trị thanh toán cho các Hạng mục đã được phê duyệt quyết toán | | 7.203.933.062 | 7.203.933.062 | | |
| - Nguồn thu tiền sử dụng đất | | 7.203.933.062 | 7.203.933.062 | | |

| Nguồn vốn | Tổng mức đầu tư của dự án được điều chỉnh | Thực hiện | | | |
|--------------------------------------|---|------------------------------|----------------------|--|--|
| | | Giá trị phê duyệt quyết toán | Số vốn đã giải ngân | Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được duyệt | Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được duyệt |
| II. Giá trị quyết toán kỳ này | | 2.751.868.540 | 2.736.272.540 | 15.596.000 | |
| - Nguồn thu tiền sử dụng đất | | 2.691.972.540 | 2.691.972.540 | | |
| - Nguồn thu tiền bán hồ sơ đấu giá | | 44.300.000 | 44.300.000 | | |
| - Nguồn cân đối ngân sách địa phương | | 15.596.000 | | 15.596.000 | |

2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

| Nội dung | Tổng mức đầu tư của dự án được điều chỉnh lần cuối | Giá trị quyết toán | | |
|--|--|----------------------|------------------------------|----------------------|
| | | Tổng số | Đã được phê duyệt quyết toán | Quyết toán kỳ này |
| Tổng số: | 36.181.999.000 | 9.955.801.602 | 7.203.933.062 | 2.751.868.540 |
| I. Giá trị thanh toán cho các Hạng mục đã được phê duyệt quyết toán | 7.203.933.062 | 7.203.933.062 | 7.203.933.062 | |
| II. Giá trị quyết toán kỳ này | 28.978.065.938 | 2.751.868.540 | | 2.751.868.540 |
| 1. Chi phí xây dựng | 18.317.556.000 | 2.125.882.000 | | 2.125.882.000 |
| 2. Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng | 4.050.642.000 | | | |
| 3. Chi phí quản lý dự án | 471.503.000 | 56.038.000 | | 56.038.000 |
| 4. Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng | 1.875.343.000 | 452.968.500 | | 452.968.500 |
| 5. Chi phí khác | 2.584.395.000 | 116.980.040 | | 116.980.040 |
| 6. Chi phí dự phòng | 1.678.626.938 | | | |

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

3.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không.

3.2. Chi phí không tạo nên tài sản: Không.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

| Nội dung | Thuộc chủ đầu tư quản lý | | Giao cho đơn vị khác | |
|--|--------------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | Giá trị thực tế | Giá trị quy đổi | Giá trị thực tế | Giá trị quy đổi |
| Tổng số: | 9.955.801.602 | | | |
| I. Giá trị thanh toán cho các Hạng mục đã được ghi nhận tài sản hình thành sau đầu tư tại các quyết định phê duyệt quyết toán | 7.203.933.062 | | | |
| 1. Tài sản dài hạn (tài sản cố định) | 7.203.933.062 | | | |
| 2. Tài sản ngắn hạn | | | | |
| II. Giá trị quyết toán kỳ này | 2.751.868.540 | | | |
| 1. Tài sản dài hạn (tài sản cố định) | 2.702.020.500 | | | |
| 2. Tài sản ngắn hạn | 49.848.040 | | | |

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan

1. Chủ đầu tư (*Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh*) chịu trách nhiệm

- Về tính pháp lý của hồ sơ quyết toán và tính đúng đắn của số liệu đề nghị quyết toán; tính chính xác của khối lượng do chủ đầu tư và nhà thầu nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán; tính phù hợp của đơn giá do chủ đầu tư và nhà thầu đã thống nhất ghi trong hợp đồng.

- Về số lượng, khối lượng, chất lượng sản phẩm hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng và các quy định khác có liên quan.

- Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và hạch toán kế toán theo đúng quy định của pháp luật có liên quan; lưu trữ hồ sơ dự án, cung cấp kịp thời hồ sơ dự án cho cơ quan thanh tra, kiểm toán và cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.

- Lưu trữ hồ sơ dự án, cung cấp kịp thời hồ sơ dự án cho cơ quan thanh tra, kiểm toán và cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.

- Được phép tắt toán nguồn vốn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng

| Nguồn vốn | Số tiền | Ghi chú |
|---------------------------------------|----------------------|--|
| Tổng cộng | 9.955.801.602 | Tất toán sau khi hoàn thành thanh toán công nợ của dự án |
| 1. Nguồn thu tiền sử dụng đất | 9.895.905.602 | |
| 2. Nguồn thu tiền bán hồ sơ đấu giá | 44.300.000 | |
| 3. Nguồn cân đối ngân sách địa phương | 15.596.000 | |

2. Các khoản phải thu, phải trả đến ngày 21 tháng 4 năm 2022

2.1. Khoản phải thu: 0 đồng.

2.2. Khoản phải trả: 15.596.000 đồng về chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán của Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán (*Sở Tài chính tỉnh Kon Tum*).

3. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:

- Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

| Tên đơn vị tiếp nhận tài sản | Tài sản dài hạn /cố định | Tài sản ngắn hạn |
|--|---------------------------------|-------------------------|
| Tổng cộng | 9.905.953.562 | 49.848.040 |
| 1. Giá trị thanh toán cho các Hạng mục đã được ghi nhận tài sản hình thành sau đầu tư tại các quyết định phê duyệt quyết toán | 7.203.933.062 | |
| - Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum | 7.203.933.062 | |
| 2. Giá trị quyết toán kỳ này | 2.702.020.500 | 49.848.040 |
| - Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum | 2.702.020.500 | 49.848.040 |

- Có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản đúng mục đích, có hiệu quả, báo cáo tình hình tài sản theo đúng quy định của Nhà nước.

4. Trách nhiệm của Sở Tài chính

- Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm tra và hồ sơ trình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành;

- Hướng dẫn cho chủ đầu tư giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành và giải quyết công nợ, tất toán tài khoản của dự án.

5. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước tỉnh

- Kiểm tra, đối chiếu, xác nhận vốn đầu tư đã thanh toán đảm bảo đúng quy định của Nhà nước;

- Đôn đốc chủ đầu tư thanh toán khoản còn phải trả theo quyết định phê duyệt quyết toán và tất toán tài khoản của dự án đã phê duyệt quyết toán theo quy định.

Điều 4. Giám đốc: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị liên quan và Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (t/h);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP, PCVP-Nguyễn Đức Ty (đ/b);
- Lưu: VT, HTKT.HMC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Sâm